

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2024

V/v Tranh chấp về chia tài sản sau
khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, về việc “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1990; Địa chỉ liên hệ: Số B đường G, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1995; Địa chỉ liên hệ: Số B đường G, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (là đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2023). Bà L có mặt;

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Dũng C; sinh năm 1987; HKTT: Số A khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ông C có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Trường K, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; Cùng trú tại: Tổ A, ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước. Ông K, bà M có mặt;

2. Ông Nguyễn Trường H, sinh năm 1995; Thường trú: Tổ A, ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước; Ông H vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số C (số M đường Đ) khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Bà V vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt;

4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số B khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Ông H1 vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 22/5/2023, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Bích L đại diện trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C trước đây là vợ chồng nhưng đã chấm dứt quan hệ hôn nhân theo Bản án số 42/2023/HNGĐ-ST ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Theo bản án trên bà T và ông C xác định tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn bà T và ông C không tự thỏa thuận phân chia tài sản chung được mà xảy ra tranh chấp. Nay, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn cho bà T và ông C.

Quá trình chung sống bà T và ông C có tạo lập được một tài sản chung là: Nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BX 610198, có số vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã D nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/01/2015, cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thùy T ngày 20/07/2018.

Nguồn gốc nhà và đất trên là do bà T và ông C nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số B khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Hai bên có ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng C2 ngày 05/7/2018 (bà T và ông C mua nhưng bà T đứng tên ký hợp đồng).

Trước khi ký hợp đồng thì bà T và ông C có đặt cọc cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 30.000.000 đồng (ông C và ông H1 có lập hợp đồng đặt cọc). Sau khi ký hợp đồng công chứng thì bà T chuyển khoản (bằng tài khoản của bà T) cho ông H1 250.000.000 đồng và tiền mặt là 200.000.000 đồng (nguồn gốc tiền này là do bà T mượn của ba mẹ bà T 400.000.000 đồng, còn 80.000.000 đồng là tiền chung của bà T và ông C tiết kiệm).

Cùng ngày 05/7/2018 thì bà T và ông C ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 1800-LAV-201802228 để vay Ngân hàng TMCP X số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 05/7/2018, Ngân hàng TMCP X giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của ông H1 để thanh toán nốt số tiền chuyển nhượng đất.

Sau đó thì làm thủ tục cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà T ngày 20/7/2018. Đến ngày 30/7/2018 thì bà T và ông C ký Hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng TMCP X quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có số vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà T ngày 20/7/2018.

Hàng tháng thì bà T và ông C đóng tiền gồm gốc, lãi cho Ngân hàng TMCP X. Từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng đến hết tháng 10/2022 thì tiền đóng là tiền chung của bà T và ông C. Từ tháng 11/2022 đến nay thì tiền đóng cho Ngân hàng là tiền của cá nhân bà T (tiền này do bà T mượn của em trai bà T là ông Nguyễn Trường H – toàn bộ là qua tài khoản Ngân hàng có chứng từ đầy đủ).

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có số vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà T ngày 20/7/2018 thì quyền sử dụng đất có diện tích là 77,5m² nhưng thực tế bà T và ông C mua chỉ có căn nhà gắn liền diện tích đất là 43m² nhưng ông H làm thủ tục thì bà T đứng tên toàn bộ diện tích đất theo Giấy chứng nhận. Phần diện tích còn lại 34,5m² (ngoài 43m² nhà của bà T, ông C) thì trước khi bà T, ông C mua là nhà của ông Nguyễn C1 ở, sau khi bà T, ông C mua thì ông C1 bán lại cho bà V. Từ khi mua đến nay thì bà T, ông C và bà V sử dụng ổn định không có tranh chấp gì vì hai nhà có tường riêng biệt.

Quá trình chung sống bà T và ông C có nghĩa vụ chung, nợ chung mà không thỏa thuận được, đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Thứ nhất, bà T và ông C vay vốn Ngân hàng TMCP X theo Khế ước số 1800LDS2018030487 và Hợp đồng tín dụng số 1800LAV201801694 ký ngày 05/7/2018 (Số tiền gốc ban đầu 1.000.000.000 đồng giải ngân mục đích mua căn nhà mà bà T và ông C tranh chấp tại địa chỉ số C khu phố T, phường Đ, thành phố D. Dư nợ tính đến ngày hôm nay 27/8/2024 là 596.418.344 đồng.

Thứ hai, về khoản dư nợ thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP X với số tiền tính đến ngày hôm nay 27/8/2024 là 293.482.033 đồng. Đối với khoản dư nợ này bà T và ông C thống nhất là để chi tiêu các nhu cầu thiết yếu của gia đình như: Chi phí sinh hoạt ăn, mặc, đóng tiền học, tiêm ngừa, khám bệnh, chữa bệnh cho các con và đóng tiền cho hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Thứ ba, khoản vay tiền mặt và vàng nhẫn của ba mẹ bà Nguyễn Thị Thùy T là ông Nguyễn Trường K và bà Nguyễn Thị M với tổng số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Thứ tư, khoản vay tiền từ ngày 26/10/2022 đến nay của em trai bà Nguyễn Thị Thùy T là ông Nguyễn Trường H tạm tính đến ngày 05/5/2024 là 307.040.000 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nay nguyên đơn bà T yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

1. Yêu cầu chia tài sản chung là: Căn nhà ở riêng lẻ loại 02 (hai) tầng gắn liền diện tích đất 43m² tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018. Theo đó, bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu được nhận hiện vật tài sản trên và thanh toán lại cho ông Huỳnh Dũng C 30% giá trị tài sản.

2. Yêu cầu đối với nghĩa vụ chung như sau: Bà T yêu cầu chia tiền nợ thành hai phần bằng nhau, bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ.

Nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 05/02/2024 và kết quả định giá ngày 20/6/2024, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên toà nguyên đơn yêu cầu nhận nhà ở riêng lẻ loại 02 (hai) tầng gắn liền diện tích đất 43m² tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018. Nguyên đơn đồng ý thanh toán cho bị đơn số tiền 480.000.000 đồng.

Đối với căn nhà gắn liền diện tích đất 34,5m² của bà Nguyễn Thị V thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T thì nguyên đơn xác định không có tranh chấp với bà V. Nguyên đơn có trách nhiệm đảm bảo quyền sử dụng đất của bà V theo quy định.

Đồng thời, nguyên đơn xác định đã tự thanh toán hết các khoản nợ Ngân hàng TMCP X theo Khế ước số 1800LDS2018030487 và Hợp đồng tín dụng số 1800LAV201801694 và thẻ tín dụng. Do bị đơn đồng ý nhận số tiền 480.000.000 đồng và giao nhà đất cho nguyên đơn nên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền mà nguyên đơn đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP X.

Đối với khoản nợ của ba mẹ bà T là ông Nguyễn Trường K, bà Nguyễn Thị M và khoản nợ của em trai bà T là ông Nguyễn Trường H thì đến tại phiên toà họ đã có yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên nguyên đơn không có ý kiến gì.

Án phí chi phí tố tụng theo quy định.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Dũng C trình bày:*

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quá trình thoả thuận nhận chuyển nhượng, diện tích nhận chuyển nhượng nhà và đất, tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018. Về nguồn tiền nhận chuyển nhượng thì có nội dung đúng có nội dung bị đơn cho rằng không đúng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn đồng ý giao nhà và đất là nhà ở riêng lẻ loại 02 (hai) tầng gắn liền diện tích đất 43m² tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018 cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T quản lý sử dụng và Nguyễn Thị Thùy T có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn số tiền 480.000.000 đồng.

Đối với căn nhà gắn liền diện tích đất 34,5m² của bà Nguyễn Thị V thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T thì bị đơn ông C xác định không có tranh chấp với bà V.

Bị đơn thống nhất với kết quả đo đạc theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 18/9/2023 và kết quả định giá ngày 14/12/2023, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định đã thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng TMCP X theo Khế ước số 1800LDS2018030487 và Hợp đồng tín dụng số 1800LAV201801694 và thẻ tín dụng, đồng thời không yêu cầu bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn thì bị đơn không có ý kiến gì.

Đối với việc ông Nguyễn Trường K, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trường H đã có yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu độc lập thì bị đơn không có ý kiến gì.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu gì khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường K và bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà T là con ruột của ông K, bà M và ông C là con rể, hai con kết hôn năm 2017. Do có nhu cầu mua nhà để ở và tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BX 610198, có sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã D nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/07/2018. Hai con T, C không đủ tài chính để mua nhà đất này nên đã vay tiền mặt và vàng nhẫn của vợ chồng ông K, bà M với tổng số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Nay bà T khởi kiện ông C vụ án nêu trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K, bà M nên ông K, bà M đã có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Dũng C và bà Nguyễn Thị Thùy T thanh toán cho ông K, bà M số tiền là 400.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên toà bà T và ông C đã thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông K, bà M xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Ông K, bà M xác định không có yêu cầu gì trong vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường H vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Ông Huỳnh Dũng C và bà Nguyễn Thị Thùy T là anh rể và chị gái của ông H. Từ ngày 11/02/2022 đến nay bà T và ông C có vay số tiền tổng cộng là 307.040.000 đồng để chi trả khoản lãi Ngân hàng mà ông C và bà T vay của Ngân hàng TMCP X theo Khế ước số 1800LDS2018030487 ký ngày 05/7/2018 và Hợp đồng tín dụng số 1800LAV201801694 ký ngày 05/7/2018 (Số tiền vay mua căn nhà tại địa chỉ số C khu phố T, phường Đ, thành phố D).

Khoản vay từ ngày 11/02/2022 tạm tính đến ngày 05/5/2024 với số tiền là 307.040.000 đồng, chuyển qua số tài khoản số: 181810101868686 của bà Nguyễn Thị Thùy T mở tại Ngân hàng TMCP X chi nhánh B chi tiết như sau:

Ngày 02/11/2022 chuyển số tiền 6.100.000 đồng; Ngày 04/11/2022 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 05/12/2022: số tiền 16.000.000 đồng. Ngày 03/01/2023 chuyển số tiền 5.800.000 đồng; Ngày 05/01/2023 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 06/02/2023 chuyển số tiền 16.000.000 đồng; Ngày 03/03/2023 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 06/3/2023 chuyển số tiền 6.800.000 đồng; Ngày 04/4/2023 chuyển số tiền 6.600.000 đồng; Ngày 05/4/2023 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 04/5/2023 chuyển số tiền 6.600.000 đồng; Ngày 05/5/2023 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 05/6/2023 chuyển số tiền 16.800.000 đồng; Ngày 04/7/2023 chuyển số tiền 6.600.000 đồng; Ngày 05/7/2023 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 03/8/2023 chuyển số tiền 6.500.000 đồng; Ngày 07/8/2023 chuyển số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 05/9/2023 chuyển số tiền 16.540.000 đồng; Ngày 05/10/2023 chuyển số tiền 16.500.000 đồng; Ngày 03/11/2023 chuyển số tiền 9.100.000 đồng; Ngày 06/11/2023 chuyển số tiền 6.750.000 đồng; Ngày 04/12/2023 chuyển số tiền 6.600.000 đồng; Ngày 05/12/2023 chuyển số tiền 9.000.000 đồng; Ngày 04/01/2024 chuyển số tiền 15.550.000 đồng; Ngày 02/02/2024 chuyển số tiền

15.300.000 đồng; Ngày 05/3/2024 chuyển số tiền 9.000.000 đồng; Ngày 06/3/2024 chuyển số tiền 6.500.000 đồng; Ngày 04/4/2024 chuyển số tiền 6.500.000 đồng; Ngày 05/4/2024 chuyển số tiền 9.000.000 đồng; Ngày 02/5/2024 chuyển số tiền 6.400.000 đồng; Ngày 05/5/2024 chuyển số tiền 8.400.000 đồng;

Nay bà T khởi kiện ông C vụ án nêu trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H nên ông H đã có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Dũng C và bà Nguyễn Thị Thùy T thanh toán cho ông Nguyễn Trường H số tiền vay là 307.040.000 đồng.

Ngày 17/7/2024, ông Nguyễn Trường H có đơn xin rút lại yêu cầu độc lập và ông H xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Ông H1 và bà Nguyễn Thị Thùy T, ông Huỳnh Dũng C không có quan hệ bà con gì, chỉ biết nhau do ông H1 bán nhà và đất, tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho bà T, ông C. Nguồn gốc nhà và đất, tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông H1 mua lại của bà Nguyễn Thị H2 (mua lại nhưng dưới hình thức là uỷ quyền toàn quyền). Thực tế là ông H2 cũng muốn sang tên ông H2 nhưng khi giao dịch tại Ngân hàng thì ông C biết và nói là để lại cho ông C có chỗ ở nên ông H2 đồng ý sang lại cho ông C.

Bà T, ông C có liên hệ hỏi mua nhà đất trên. Sau đó hai bên gặp nhau thoả thuận giá cả mua bán là 1.480.000.000 đồng, lúc mua thì đã có nhà trên toàn bộ đất. Đến ngày 05/7/2018 thì ông H2 ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà T tại Văn phòng C2 cho bên mua (bà T và ông C mua nhưng ông C để bà T đứng tên ký hợp đồng).

Bà T, ông C đã thanh toán tiền đầy đủ cho ông H2, ông H2 đã bàn giao nhà đất cho bà T và ông C. Hai bên không còn quyền, nghĩa vụ gì với nhau.

Theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 05/02/2024 thì nhà và đất, tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương có diện tích 43m² ông H2 thống nhất không có ý kiến gì. Ông H2 xác định là bán nhà đất diện tích 43m² và vợ chồng ông C biết rõ diện tích này vì họ có đi xem nhà thực tế và đồng ý mua. Theo kết quả định giá, tổng giá trị nhà và đất, tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương là 1.486.026.200 đồng. Ông H2 thống nhất không có ý kiến gì.

Ông H2 xác định bà T, ông C đã thanh toán tiền đầy đủ cho ông H2, ông H2 đã bàn giao nhà đất cho bà T và ông C. Hai bên không còn quyền, nghĩa vụ gì với nhau. Ông H2 xác định không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng đối với vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Bà V là hàng xóm của bà Nguyễn Thị Thùy T, ông Huỳnh Dũng C chứ không có quan hệ bà con gì. Bà V hiện sinh sống cùng hai con là Đoàn Nguyễn Anh T1,

sinh ngày 12/7/2011 và Đoàn Gia K1, sinh ngày 21/10/2021 tại nhà số C (số M đường Đ) khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương kế bên nhà số C của bà T, ông C.

Nguồn gốc nhà đất tại nhà số C (số M đường Đ) khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương là do bà V mua ngày 19/9/2018 của ông Nguyễn C1, sinh năm 1980, mua với giá là 1.200.000.000 đồng (nhưng trong giấy ghi 400.000.000 đồng). Diện tích đất bà V mua là 41,8m², khi mua thì bà V có đo lại bằng tay, chứ không đo máy. Hiện trạng khi mua thì đã có có căn nhà 1 trệt 1 lầu như hiện trạng hiện nay. Khi bà V mua thì có biết nhà đất của bà V mua có một phần thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX610198 cấp cho bà T. Ngoài ra còn có một phần nhà đất (diện tích 6,8m²) thuộc sổ của ông K2.

Từ khi bà V mua nhà đất cho đến nay, bà V quản lý sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Ranh mốc giữa nhà số C của bà V và nhà số C của bà T, ông C là tách biệt rõ ràng.

Bà V xác định M1 trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 05/02/2024 đo vẽ chính xác phần đất của bà V thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX610198 cấp cho bà T.

Nay bà T, ông C tranh chấp yêu cầu chia nhà và đất, tọa lạc tại địa chỉ: Số C, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có số vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018. Bà V xác định không có ý kiến gì về tranh chấp giữa bà T và ông C.

Tuy nhiên, trong diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có số vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018 cho bà T, có diện tích 34,5m² do bà V mua của ông C1 và quản lý sử dụng ổn định không tranh chấp với ai nên đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quy định của pháp luật giữ nguyên hiện trạng nhà đất của bà V. Bà V xác định không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng đối với vụ án.

** Ngân hàng TMCP X trình bày:*

Ngày 05/7/2018, Ngân hàng TMCP X có ký Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-201801694 và Khế ước nhận nợ số 1800-LDS-201803487 với bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C về việc đồng ý cấp tín dụng số tiền 1.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 15 năm kể từ ngày 05/7/2018 đến ngày 05/7/2033; Mục đích cấp tín dụng: Bà Nguyễn Thị Thùy T thanh toán tiền mua đất cho ông Nguyễn Văn H1. Tài sản đảm bảo cũng là tài sản mà bà T và ông C mua của ông H1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) theo: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, số vào sổ cấp GCN: CH09054 do Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh B cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/07/2018. Đây là khoản vay cấp theo chương trình ưu đãi lãi suất cho Cán bộ nhân viên do bà T đang công tác tại Ngân hàng TMCP X – Phòng G.

Ngày 27/8/2024, Ngân hàng TMCP X có văn bản xác nhận đến thời điểm ngày 27/8/2024 bà Nguyễn Thị Thùy T đã tiến hành tắt toán các khoản nợ liên quan đến vụ án là Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-201802228 ngày 05/7/2018 và Hợp đồng thế chấp số 194/EIB-BD-DA/TD- TC/2018 ngày 30/7/2018 nên Ngân hàng TMCP X không còn quyền và nghĩa vụ gì cũng như không có yêu cầu gì đối với hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các khoản nợ liên quan đến Ngân hàng TMCP X trong vụ án nêu trên.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là: Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về việc giải quyết vụ án:

- Tại phiên tòa các đương sự thống nhất về việc phân chia tài sản chung và nợ chung, cụ thể: Ông Huỳnh Dũng C đồng ý nhận số tiền 480.000.000 đồng và giao cho bà Nguyễn Thị Thùy T tài sản chung là căn nhà gắn liền diện tích đất là 43m² tọa lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BX 610198, có số vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã D nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/01/2015, cập nhật biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thùy T ngày 20/07/2018. Bà T đồng ý thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng X theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-201802228 ngày 05/7/2018 và Hợp đồng thế chấp số 194/EIB-BD-DA/TD-TC/2018 ngày 30/7/2018. Sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm của Luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Trường K, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu ông Huỳnh Dũng C và bà Nguyễn Thị Thùy T thanh toán số tiền 400.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông K, bà M xin rút yêu cầu độc lập việc xin rút yêu cầu là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

- Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Trường H về việc yêu cầu ông Huỳnh Dũng C và bà Nguyễn Thị Thùy T thanh toán số tiền 307.040.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông H có đơn xin rút yêu cầu độc lập việc xin rút yêu cầu là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà T khởi kiện tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Dũng C, sinh năm 1987 có địa chỉ tại số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tọa lạc tại số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường K, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trường H có yêu cầu độc lập, yêu cầu ông Huỳnh Dũng C và bà Nguyễn Thị Thùy T thanh toán nợ.

Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng vay tài sản”,

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp giấy báo nộp tiền tại Ngân hàng TMCP X và Thông báo giải chấp của Ngân hàng TMCP X đối với quyền sử dụng 77,5 m² đất, thuộc thửa đất số: 8144, tờ bản đồ số: 1DH.1 tọa lạc tại khu phố T, phường Đ, thị xã nay là thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 194/EIB-BD-DA/TD-TC/2018 ngày 30/7/2018. Nguyên đơn xác định đã thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng TMCP X theo Khế ước số 1800LDS2018030487 và Hợp đồng tín dụng số 1800LAV201801694 và thẻ tín dụng.

Đồng thời, ngày 27/8/2024, Ngân hàng TMCP X có văn bản xác nhận đến thời điểm ngày 27/8/2024 bà Nguyễn Thị Thùy T đã tiến hành tất toán các khoản nợ liên quan đến vụ án là Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-201802228 ngày 05/7/2018 và Hợp đồng thế chấp số 194/EIB-BD-DA/TD-TC/2018 ngày 30/7/2018 nên Ngân hàng TMCP X không còn quyền và nghĩa vụ gì trong vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử không xác định Ngân hàng TMCP X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường H, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Đến tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường H có đơn xin rút yêu cầu độc lập về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C thanh toán cho ông Nguyễn Trường H số tiền 307.040.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường K và bà Nguyễn Thị M xin rút yêu cầu độc lập về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị

Thùy T và ông Huỳnh Dũng C thanh toán cho ông K, bà M số tiền 400.000.000 đồng.

Việc ông Nguyễn Trường K, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trường H rút toàn bộ yêu cầu độc lập là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, 73, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[2] Về nội dung: Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T và bị đơn ông Huỳnh Dũng C thoả thuận về việc phân chia tài sản sau khi ly hôn đối với tài sản chung là căn nhà ở riêng lẻ loại hai tầng diện tích 70,8m² và các tài sản khác gắn liền diện tích đất 43m² thuộc một phần thửa đất số 8144, tờ bản đồ số 1DH.1, toạ lạc tại địa chỉ: Số C khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận số phát hành BX610198, sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018 có giá trị 1.486.026.200 đồng (một tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng) như sau:

- Chia cho ông Huỳnh Dũng C giá trị tài sản tương đương với số tiền 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng).

- Chia cho bà Nguyễn Thị Thùy T giá trị tài sản tương đương với số tiền 1.006.026.200 đồng (một tỷ không trăm lẻ sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm đồng);

Nguyên đơn bà T yêu cầu nhận hiện vật và đồng ý thanh toán cho bị đơn ông C giá trị tài sản là 480.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ tại Ngân hàng TMCP X theo Khế ước nhận nợ số 1800LDS2018030487 ngày 05/7/2018, Hợp đồng tín dụng số 1800LAV201801694 ngày 05/7/2018 và thẻ tín dụng nguyên đơn đã thanh toán không yêu cầu bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn. Bị đơn đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn đã thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thoả thuận của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX610198, có sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018 cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T là 77,5m² thuộc thửa đất số 8144, tờ bản đồ số 1DH.1 toạ lạc tại địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên, thực tế theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và trình bày của bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thì phần đất của bà T và ông C có diện tích là 43m²; diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận 34,5m² là của bà Nguyễn Thị V.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C xác định không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem

xét. Nếu các đương sự có tranh chấp thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương cập nhập người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất 77,5m² thuộc thửa đất số 8144, tờ bản đồ số 1DH.1 toạ lạc tại: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho bà Nguyễn Thị Thùy T và bà Nguyễn Thị V. Trong đó bà Nguyễn Thị Thùy T có diện tích đất là 43m², bà Nguyễn Thị V có diện tích đất là 34,5m².

[4] Chi phí tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 1/2 chi phí tố tụng. Do bị đơn bà T đã tạm ứng toàn bộ số tiền 3.857.184 đồng. Do đó, ông C phải nộp 1.928.592 đồng để hoàn trả lại cho bà T.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí tương đương với giá trị tài sản được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 73, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 2 Điều 26; Khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C thanh toán cho ông Nguyễn Trường H số tiền vay là 307.040.000 đồng (ba trăm lẻ bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), không yêu cầu lãi.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường K và bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C thanh toán cho ông K, bà M số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu lãi

3. Ghi nhận sự thoả thuận của bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C về việc phân chia tài sản sau khi ly hôn đối với tài sản chung là căn nhà ở riêng lẻ loại hai tầng diện tích 70,8m² và các tài sản khác gắn liền diện tích đất 43m² thuộc một phần thửa đất số 8144, tờ bản đồ số 1DH.1 toạ lạc tại địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận số phát hành

BX610198, sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018, như sau:

- Ông Huỳnh Dũng C có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Thùy T quản lý, sử dụng tài sản chung là căn nhà ở riêng lẻ loại hai tầng diện tích 70,8m² và các tài sản khác gắn liền diện tích đất 43m² thuộc một phần thửa đất số 8144, tờ bản đồ số 1DH.1 tọa lạc tại địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận số phát hành BX610198, sổ vào sổ CH09054 do Ủy ban nhân dân thị xã N là thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/01/2015, cập nhật biến động ngày 20/7/2018.

- Bà Nguyễn Thị Thùy T có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn ông Huỳnh Dũng C giá trị tài sản chung là 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương cập nhập người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất 77,5m² thuộc thửa đất số 8144, tờ bản đồ số 1DH.1 tọa lạc tại: Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho bà Nguyễn Thị Thùy T và bà Nguyễn Thị V. Trong đó bà Nguyễn Thị Thùy T có diện tích đất là 43m², bà Nguyễn Thị V có diện tích đất là 34,5m².

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

4. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Huỳnh Dũng C mỗi người phải chịu 1.928.592 đồng (một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm chín mươi hai đồng). Do bà T đã tạm ứng toàn bộ nên bị đơn ông C phải nộp 1.928.592 đồng (một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm chín mươi hai đồng) để hoàn trả bà T.

5. Về án phí: Ông Huỳnh Dũng C phải chịu 23.200.000 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà T phải chịu 42.180.786 đồng (bốn mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng) được khấu trừ vào số tiền 23.500.926 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006553 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị Thùy T còn phải nộp 18.679.860 đồng (mười tám triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trường H số tiền 7.676.000 đồng (bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002955 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường K và bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường H, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hải Nam